

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU**

**BÌNH DƯƠNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 46
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 46

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **TỔNG CÔNG TY**

Tiền thân của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên là Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103728 ngày 26 tháng 11 năm 1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 11 năm 2006 là Công ty Nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con được thành lập theo Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Dương.

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được chuyển đổi thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND Tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình TNHH Một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700148166 ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Khu phố Đông Tư, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Nguyên Vũ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/10/2017
Ông Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/10/2017
Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/10/2017
Ông Huỳnh Công Phát	Thành viên	
Ông Huỳnh Thanh Hải	Thành viên	
Ông Lý Thanh Châu	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Nguyên Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2017
Ông Nguyễn Văn Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2017
Ông Trần Nguyên Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2017
Ông Huỳnh Công Phát	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lý Thanh Châu	Phó Tổng Giám đốc	

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2018



**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Trần Nguyên Vũ**



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được lập ngày 10 tháng 04 năm 2018, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các nội dung tại Thuyết minh số 01 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2018*

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Bùi Văn Thảo**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0522-2018-002-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Trung Hiếu**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2202-2018-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.032.284.001.295</b>	<b>1.361.035.128.431</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>294.759.555.451</b>	<b>137.078.404.387</b>
111	1. Tiền		70.759.555.451	31.078.404.387
112	2. Các khoản tương đương tiền		224.000.000.000	106.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>570.144.663.978</b>	<b>1.081.355.809.966</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	10.509.263.278	9.951.606.478
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	63.402.867.941	25.291.929.529
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	116.472.314.127	758.146.218.639
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	393.575.533.992	301.781.370.680
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.815.315.360)	(13.815.315.360)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	10	<b>148.393.613.555</b>	<b>142.563.130.556</b>
141	1. Hàng tồn kho		148.604.289.566	142.773.806.567
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(210.676.011)	(210.676.011)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>18.986.168.311</b>	<b>37.783.522</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	359.115.451	37.783.522
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.585.046.705	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	17.042.006.155	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.009.489.308.936</b>	<b>3.279.319.484.245</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>322.891.557.600</b>	<b>743.907.212.435</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	05	-	159.322.688.345
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	07	9.896.049.652	270.969.437.197
216	3. Phải thu dài hạn khác	08	312.995.507.948	313.615.086.893
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>17.933.751.319</b>	<b>87.041.645.958</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	6.466.496.457	16.110.597.574
222	- Nguyên giá		39.047.467.623	63.981.038.987
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.580.971.166)	(47.870.441.413)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	11.467.254.862	70.931.048.384
228	- Nguyên giá		16.438.789.284	77.963.945.415
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.971.534.422)	(7.032.897.031)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	15	<b>105.794.725.731</b>	<b>186.800.431.687</b>
231	- Nguyên giá		106.230.719.733	196.791.352.297
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(435.994.002)	(9.990.920.610)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>622.922.312.724</b>	<b>701.625.978.641</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	622.922.312.724	701.625.978.641
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>1.935.416.140.715</b>	<b>1.556.710.063.600</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.198.505.965.138	1.198.505.965.138
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.292.013.730.999	979.113.859.889
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		505.000.000	505.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(555.608.555.422)	(621.414.761.427)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.530.820.847</b>	<b>3.234.151.924</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.530.820.847	3.234.151.924
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.041.773.310.231</b>	<b>4.640.354.612.676</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.335.215.763.925</b>	<b>2.869.744.583.993</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.083.133.703.007</b>	<b>2.250.261.971.961</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	2.175.682.077	126.404.257.801
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	198.474.491.613	178.487.439.513
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	1.093.679.138	71.961.750.485
314	4. Phải trả người lao động		9.754.241.726	7.193.322.216
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	387.742.688.856	387.398.560.263
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	693.375.212.583	547.411.644.209
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	790.517.707.014	931.404.997.474
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>252.082.060.918</b>	<b>619.482.612.032</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	132.082.060.918	132.231.267.018
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	120.000.000.000	487.251.345.014
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.706.557.546.306</b>	<b>1.770.610.028.683</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>1.706.557.546.306</b>	<b>1.770.610.028.683</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.350.000.000.000	1.350.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		44.770.671.835	193.445.858.281
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		311.786.874.471	227.164.170.402
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		311.786.874.471	227.164.170.402
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.041.773.310.231</b>	<b>4.640.354.612.676</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Thanh Thúy



Đỗ Thị Thanh Thúy



Trần Nguyên Vũ



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	29.637.765.904	568.061.900.375
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.637.765.904	568.061.900.375
11	4. Giá vốn hàng bán	25	21.268.572.228	376.299.577.538
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.369.193.676	191.762.322.837
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	424.764.588.012	520.232.465.744
22	7. Chi phí tài chính	27	91.037.923.278	414.943.732.745
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		112.471.753.480	102.662.385.358
25	8. Chi phí bán hàng		869.118.997	922.015.926
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	74.206.273.833	29.540.105.716
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		267.020.465.580	266.588.934.194
31	11. Thu nhập khác	29	56.158.835.343	150.017.377
32	12. Chi phí khác	30	161.028.387	4.322.537.008
40	13. Lợi nhuận khác		55.997.806.956	(4.172.519.631)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		323.018.272.536	262.416.414.563
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	11.231.398.065	36.399.824.328
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		311.786.874.471	226.016.590.235

Người lập



Đỗ Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Thúy

Tổng Giám đốc



Trần Nguyên Vũ

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		323.018.272.536	262.416.414.563
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.577.198.572	6.850.828.175
03	Các khoản dự phòng		(65.806.206.005)	279.959.822.505
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		434.898.589	(5.033.243.537)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(480.709.152.189)	(515.199.222.207)
06	Chi phí lãi vay		112.471.753.480	102.662.385.358
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(104.013.235.017)	131.656.984.857
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		94.019.840.956	(84.603.144.606)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.830.482.999)	(118.857.150.892)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(137.532.160.911)	131.911.957.006
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.618.000.852)	(22.428.304)
14	Tiền lãi vay đã trả		(113.815.317.283)	(114.926.651.420)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(63.054.958.889)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.771.531.785)	(1.452.265.926)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(339.615.846.780)	(56.292.699.285)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.636.778.081)	(12.723.476.000)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23.660.000.000)	(377.973.387.545)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		926.407.292.057	161.448.432.381
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(314.399.871.110)	(545.629.050.810)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		102.605.500.000	261.865.743.370
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được		396.263.328.620	410.998.671.326
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.077.579.471.486	(102.013.067.278)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền thu từ đi vay		2.019.913.338.814	2.968.613.950.138
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(2.528.051.974.288)	(2.678.045.396.101)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(72.143.926.773)	(147.684.039.552)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(580.282.562.247)	142.884.514.485
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		157.681.062.459	(15.421.252.078)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		137.078.404.387	152.490.332.014
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		88.605	9.324.451
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>294.759.555.451</u>	<u>137.078.404.387</u>

Người lập

Đỗ Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Thúy

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Tổng Giám đốc

Trần Nguyên Vũ





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Năm 2017*

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Tiền thân của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên là Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103728 ngày 26 tháng 11 năm 1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 11 năm 2006 là Công ty Nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con được thành lập theo Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Dương.

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được chuyển đổi thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND Tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình TNHH Một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700148166 ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Khu phố Đông Tư, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.350.000.000.000 VND.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất kinh doanh hàng may thêu xuất khẩu, hàng thủ công mỹ nghệ, nông sản, cây giống, sản phẩm gỗ;
- Kinh doanh xăng dầu các loại;
- Trồng và chế biến mùn cao su;
- Sản xuất kinh doanh giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá;
- Sản xuất kinh doanh nước đá;
- Kinh doanh thực phẩm và nước giải khát;
- Chế tạo, thi công, lắp ráp, sửa chữa, bảo trì các hệ thống lạnh, các bình chịu áp lực, điện dân dụng, điện công nghiệp, các hệ thống nước và các loại máy móc;
- Gia công, chế tạo, lắp ráp máy móc thiết bị và các loại sản phẩm từ nguyên liệu kim loại;
- Kinh doanh địa ốc, bất động sản;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông;
- Kinh doanh vật tư, dụng cụ y tế. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Kinh doanh sân golf, khách sạn và các dịch vụ du lịch giải trí;
- Chăn nuôi và kinh doanh gà con giống, gà thịt, trứng gà thương phẩm và thức ăn gia súc;
- Sản xuất và kinh doanh heo thịt thương phẩm, heo giống;
- Sản xuất, kinh doanh tôm, cá giống, tôm, cá thịt thương phẩm;
- Xuất nhập khẩu về nông sản và thủy sản;
- Dịch vụ thu mua và giết mổ gia súc, gia cầm (heo, bò, gà);
- Kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi (sản phẩm tươi sống và chế biến);
- Sản xuất và kinh doanh các loại trang thiết bị phục vụ chăn nuôi: máng ăn tự động, chuồng lồng chăn nuôi heo gà;
- Cho thuê kho bãi.



**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

*a) Tái cơ cấu các khoản đầu tư*

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường vào tháng 05/2017 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 209,7 tỷ VND lên 1.224,794 tỷ VND bằng việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tổng Công ty đã đăng ký mua 80.075.000 cổ phần tương đương giá trị 800,75 tỷ VND, phương thức góp vốn được thực hiện bằng việc cân trừ các khoản công nợ Tổng Công ty phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Hạnh Phúc đến thời điểm 31/05/2017 là 790,694 tỷ đồng, giá trị còn lại được góp bằng tiền. Sau khi hoàn tất thủ tục góp vốn, Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc là công ty con của Tổng công ty với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty là 69,49%.

Vào tháng 5 năm 2017, căn cứ Công văn số 287-TB/TU ngày 20/04/2017 của Tỉnh Ủy Bình Dương phê duyệt chủ trương tái cơ cấu vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc. Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng số lượng 55.712.744 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc, tương ứng với tỷ lệ 45,49% cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Sức khỏe Hoàn Mỹ theo Hợp đồng mua bán cổ phần ngày 10/05/2017 với giá chuyển nhượng 9.372 đồng/cổ phiếu. Tổng giá trị chuyển nhượng là 522,142 tỷ đồng, khoản lỗ phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng được Tổng Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm là 34,984 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2017, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc là 24%.

Trong năm 2017, căn cứ Công văn số 287-TB/TU ngày 20/04/2017 của Tỉnh Ủy Bình Dương phê duyệt chủ trương thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú. Tổng Công ty đã thực hiện góp đủ 30% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú tương đương giá trị 60 tỷ đồng và đã thực hiện thoái toàn bộ phần vốn góp cho Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc. Tổng giá trị chuyển nhượng là 161,105 tỷ đồng, lãi phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm 2017 là 101,105 tỷ đồng.

*b) Chuyển nhượng đất Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương*

Trong năm Tổng Công ty ghi nhận khoản thu nhập từ đánh giá lại giá trị tài sản góp vốn bằng quyền sử dụng đất thuộc dự án Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương cho Công ty CP Đầu tư Phát triển Tân Thành với tổng giá trị là 56,156 tỷ đồng. Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34.

*c) Thông tin cổ phần hóa*

Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, Tổng Công ty không thực hiện trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ phải thu khó đòi; dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn do Tổng Công ty đang trong quá trình cổ phần hóa theo Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương. Các nội dung xử lý tài chính liên quan đến quá trình cổ phần hóa sẽ được Tổng Công ty thực hiện tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển đổi, bàn giao sang công ty cổ phần.

Theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 08/12/2017, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương đã phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty như sau:

- Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa 4.346.392.525.464 VND;
- Giá trị phần vốn ngân sách Đảng tại doanh nghiệp 1.773.933.791.799 VND;
- Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp, bàn giao về Công ty Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương là 827.385.169.308 đồng;
- Tổng tài sản không cần dùng, chờ thanh lý là 307.289.116.196 đồng.

Theo Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 28/12/2017, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương đã phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Tổng Công ty thành công ty cổ phần như sau:

- Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là 4.346,392 tỷ VND;
- Giá trị phần vốn ngân sách Đảng tại doanh nghiệp là 1.773,933 tỷ VND.



Công ty Cổ phần mới có số vốn điều lệ là 3.000 tỷ VND tương đương 300.000.000 cổ phần, trong đó cổ đông Nhà nước sẽ nắm giữ 150.000.000 cổ phần tương đương 50% vốn điều lệ; cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp là 272.600 cổ phần tương đương 0,09% vốn điều lệ; cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 119.727.400 cổ phần tương đương 39,91% vốn điều lệ; cổ phần bán đấu giá công khai là 30.000.000 cổ phần tương đương 10% vốn điều lệ.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp cơ điện lạnh 3/2	KP Đông Tư, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất kinh doanh nước đá

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu),... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn quyền sử dụng đất
- Phần mềm	03 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn quyền sử dụng đất



## **2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.13 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## **2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## **2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo quyết toán tài chính Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương.

## **2.19 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán Bất động sản.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.



### **2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp Phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### **3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	20.046.293.141	4.532.964.671
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.713.262.310	26.545.439.716
Các khoản tương đương tiền	224.000.000.000	106.000.000.000
	<b>294.759.555.451</b>	<b>137.078.404.387</b>

Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 224 tỷ đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2% - 5.1%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017				01/01/2017			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	1.198.505.965.138	893.247.580.416	(305.258.384.722)		1.198.505.965.138	841.044.923.723	(357.461.041.415)	
- Công ty TNHH Du lịch D&M	5.500.000.000	5.500.000.000	-		5.500.000.000	5.500.000.000	-	
- KP Apparell Manufacturing Co.,Ltd (Vương quốc Campuchia)	62.138.569.749	62.138.569.749	-		62.138.569.749	62.138.569.749	-	
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	20.000.000.000	20.000.000.000	-		20.000.000.000	20.000.000.000	-	
- Công ty CP Thương mại Tổng hợp Thuận An	3.004.000.000	3.004.000.000	-		3.004.000.000	3.004.000.000	-	
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	572.534.550.810	281.862.265.317	(290.672.285.493)		572.534.550.810	229.659.608.624	(342.874.942.186)	
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	535.328.844.579	520.742.745.350	(14.586.099.229)		535.328.844.579	520.742.745.350	(14.586.099.229)	
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	1.292.013.730.999	1.041.663.560.299	(250.350.170.700)		979.113.859.889	715.160.139.877	(263.953.720.012)	
- Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	200.000.000.000	200.000.000.000	-		200.000.000.000	200.000.000.000	-	
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	411.949.964.999	220.643.933.974	(191.306.031.025)		341.172.653.889	149.866.622.864	(191.306.031.025)	
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	88.471.846.000	88.471.846.000	-		88.471.846.000	88.471.846.000	-	
- Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc <sup>(1)</sup>	293.950.560.000	243.622.560.000	(50.328.000.000)		50.328.000.000	-	(50.328.000.000)	
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	46.351.795.000	46.351.795.000	-		46.351.795.000	46.351.795.000	-	
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú <sup>(2)</sup>	-	-	-		1.500.000.000	1.500.000.000	-	
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	48.621.375.000	39.905.235.325	(8.716.139.675)		48.621.375.000	26.301.686.013	(22.319.688.987)	
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành <sup>(3)</sup>	144.000.000.000	144.000.000.000	-		144.000.000.000	144.000.000.000	-	
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	58.668.190.000	58.668.190.000	-		58.668.190.000	58.668.190.000	-	
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	505.000.000	505.000.000	-		505.000.000	505.000.000	-	
- Công ty Cổ phần Cơ khí vận tải Dầu Tiếng	505.000.000	505.000.000	-		505.000.000	505.000.000	-	
<b>2.491.024.696.137</b>	<b>1.935.416.140.715</b>	<b>(555.608.555.422)</b>	<b>2.178.124.825.027</b>	<b>1.556.710.063.600</b>	<b>(621.414.761.427)</b>			



- (1) Thông tin chi tiết tại mục a, Thuyết minh số 01.  
 (2) Thông tin chi tiết tại mục a, Thuyết minh số 01.  
 (3) Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34.

Tại thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty không thực hiện trích lập các khoản đầu tư dự phòng đầu tư tài chính dài hạn do đang trong giai đoạn cổ phần hóa theo Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương.

#### Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Du lịch D&M	Tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%	Dịch vụ nhà nghỉ, ăn uống
- KP Apparel Manufacturing Co., Ltd	Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	SX XNK hàng sợi, vải, may mặc..
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	SX, KD sản phẩm từ giấy
- Công ty CP Thương mại Tổng hợp Thuận An	Tỉnh Bình Dương	62,68%	62,68%	Kinh doanh thương mại
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp
- Công ty TNHH Sân golf Palm Sóng Bé	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh sân Golf

#### Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Tỉnh Bình Dương	40,00%	40,00%	Trồng, khai thác, chế biến mù cao su
- Công ty Cổ phần phát triển Phú Mỹ	Tỉnh Bình Dương	35,00%	35,00%	KD BĐS, kinh doanh sân golf
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh sữa và nước giải khát
- Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Tỉnh Bình Dương	24,00%	24,00%	Dịch vụ y tế
- Công ty Cổ phần Hưng Vương	Tỉnh Bình Dương	30,90%	30,90%	SXKD SP từ gỗ, KD Hạ tầng KCN
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh dịch vụ Logistic
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	KD Bất động sản, KD sân golf
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	48,89%	48,89%	Sản xuất KD hàng may mặc

#### Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Cơ Khí vận tải Dầu Tiếng	Tỉnh Bình Dương	2,10%	2,10%	Vận chuyển và gia công cơ khí



**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú	-	133.158.864.505
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	-	26.163.823.840
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	4.945.139.918	4.945.139.918
- Ông Trần Quang Lân	740.000.000	1.140.000.000
- Ông Phan Thanh Nam	1.643.850.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.180.273.360	3.866.466.560
	<b>10.509.263.278</b>	<b>169.274.294.823</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	10.509.263.278	9.951.606.478
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	-	159.322.688.345
	<b>10.509.263.278</b>	<b>169.274.294.823</b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)	<b>4.945.139.918</b>	<b>164.267.828.263</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước tiền mua cây cảnh	17.553.000.000	16.265.000.000
- Ông Phan Xuân Thông	440.000.000	310.000.000
- Cửa hàng Cây kiểng Nhật Khánh	1.150.000.000	-
- Ông Bùi Thanh Hải	15.963.000.000	15.955.000.000
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tỉnh Bình Dương (*)	37.061.011.021	57.267.812
Công ty TNHH Xây Lắp Điện Sông Bé ELECTRIC	4.255.965.360	4.255.965.360
Khác	4.532.891.560	4.713.696.357
	<b>63.402.867.941</b>	<b>25.291.929.529</b>

(\*) Khoản tạm ứng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tỉnh Bình Dương để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình Cụm công nghiệp An Điền, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát theo hợp đồng số 24/2017/HĐ-BTGPMB ngày 13/11/2017.



**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc <sup>(1)</sup>	-	658.480.000.000
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành <sup>(2)</sup>	69.245.610.531	76.058.750.000
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE <sup>(3)</sup>	20.541.052.576	20.581.817.619
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé <sup>(4)</sup>	6.500.000.000	-
- Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào <sup>(5)</sup>	19.160.000.000	2.000.000.000
- Đối tượng khác	1.025.651.020	1.025.651.020
	<b>116.472.314.127</b>	<b>758.146.218.639</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công Ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade	-	261.073.387.545
- Phải thu Công ty Cổ phần Du lịch D&M <sup>(6)</sup>	9.896.049.652	9.896.049.652
	<b>9.896.049.652</b>	<b>270.969.437.197</b>
<b>c) Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)	<b>125.342.712.759</b>	<b>1.028.090.004.816</b>

**Thông tin chi tiết về các khoản cho vay**

<sup>(1)</sup> Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 01.

<sup>(2)</sup> Số dư khoản cho vay tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm các Hợp đồng chi tiết sau:

- Hợp đồng vay vốn ngày 08/01/2016, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 8%/năm (điều chỉnh vào ngày 30/06 hằng năm) và phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2017. Số dư tại ngày 31/12/2017 là 47.400.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn ngày 23/01/2015 và Phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2017, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 8%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2017 là 10.545.610.531 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 2017/HĐVV ngày 30/11/2017, thời hạn cho vay là 12 tháng tính theo từng lần nhận nợ, lãi suất cho vay là 8%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2017 là 11.300.000.000 đồng.

<sup>(3)</sup> Theo Biên bản thỏa thuận ngày 25/10/2015 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH YCH-PROTRADE về việc chuyển số tiền 905,889.86 USD (tương đương 20.541.052.576 đồng) mà YCH còn nợ Tổng Công ty thành khoản vay với thời hạn vay là 01 năm (kể từ ngày 28/10/2015), lãi suất vay là 0%/năm.

<sup>(4)</sup> Hợp đồng vay vốn số 06/2017/HĐVV ngày 17/08/2017, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 6%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2017 là: 6.500.000.000 đồng.

<sup>(5)</sup> Khoản phải thu Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào về tiền ứng vốn kinh doanh.

<sup>(6)</sup> Khoản phải thu Công ty Cổ phần Du lịch D&M về cho mượn nợ triển khai các thủ tục ban đầu của dự án khu du lịch tại Mũi Né, Tỉnh Bình Thuận do Công ty Cổ phần Du lịch D&M làm chủ đầu tư.

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về cổ phần hóa	200.000.000	-	200.000.000	-
- Phải thu về tạm ứng <sup>(1)</sup>	190.491.980.803	-	163.187.592.624	-
- Phải thu BHXH	-	-	1.395.934	-
- Phải thu Bà Nguyễn Thị Minh Châu tiền chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty CP Bất động sản Dapark	6.600.000.000	(6.600.000.000)	6.600.000.000	(6.600.000.000)
- Phải thu Ông Huỳnh Văn Nghi	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
- Lãi dự thu	4.720.323.402	-	15.515.013.892	-
- Phải thu Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	408.026.584	-	91.549.088.299	-
- Phải thu Công Ty CP May mặc Bình Dương	11.260.099.684	-	-	-
- Phải thu Công Ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	7.856.073.228	-	-	-
- Phải thu Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành <sup>(2)</sup>	142.800.901.417	-	-	-
+ Lãi vay	3.591.128.617	-	-	-
+ Phải thu tiền góp vốn	139.209.772.800	-	-	-
- Phải thu Công ty TNHH YCH - Protrade tiền kinh phí công đoàn	257.000.000	-	180.000.000	-
- Phải thu quỹ khen thưởng phúc	27.137.456.710	-	23.061.072.344	-
- Phải thu thuế TNCN	100.651.286	-	-	-
- Chi hộ Công Ty TNHH Du lịch D&M	153.881.000	-	134.000.000	-
- Phải thu khác	389.139.878	-	153.207.587	-
	<b>393.575.533.992</b>	<b>(6.600.000.000)</b>	<b>301.781.370.680</b>	<b>(6.600.000.000)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	3.000.000	-	3.000.000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Hưng Vượng <sup>(3)</sup>	312.198.945.948	-	312.818.524.893	-
- Ông Trương Hồng Phong <sup>(4)</sup>	793.562.000	-	793.562.000	-
	<b>312.995.507.948</b>	<b>-</b>	<b>313.615.086.893</b>	<b>-</b>



<sup>(1)</sup> Trong số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2017 bao gồm khoản tạm ứng của nhân viên Nguyễn Ngọc Loan tiền công tác, phí văn phòng và chi phí của các dự án số tiền 172.679.711.285 VND (số dư tại ngày 31/12/2016 là 144.585.879.138 VND).

<sup>(2)</sup> Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34.

<sup>(3)</sup> Đây là khoản Tổng Công ty phải thu Công ty Cổ phần Hưng Vượng theo hai hợp đồng đảm bảo giá trị ngoại tệ tương lai số 01/2011/PRO-PJ ngày 06/06/2011 và số 02/2011/PRO-PJ ngày 20/09/2011. Theo hai hợp đồng này, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương căn cứ vào tỷ giá bán USD của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM cho từng lần chuyển tiền sẽ chuyển cho Công ty Cổ phần Hưng Vượng tiền VND với tổng giá trị tương ứng 13.880.000,00 USD và Công ty Cổ phần Hưng Vượng sẽ đảm bảo trả lại toàn bộ số USD này khi đến hạn cũng theo tỷ giá bán USD của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM tại từng thời điểm chuyển tiền. Số tiền lũy kế đến 31/12/2017 Tổng Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Hưng Vượng theo hợp đồng đã ký quy đổi ra ngoại tệ tương ứng 13.768.420,99 USD. Công ty Cổ phần Hưng Vượng sẽ phải đảm bảo trả lại số USD ngay khi đến hạn vào năm 2020 theo Phụ lục hợp đồng ký ngày 03/11/2015.

<sup>(4)</sup> Khoản phải thu về ứng trước tiền đền bù đất đang chờ hồ sơ quyết toán thuộc dự án Khu dân cư Gò Chai.

## 9 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Ông Phan Thanh Nam	1.643.850.000	-	1.643.850.000	-
+ Ông Trần Minh Đạt	11.900.000	-	11.900.000	-
+ Công ty TNHH Thiết kế & Tư vấn XD SQ	50.000.000	-	50.000.000	-
+ Công ty CP Tư Vấn XD Công Nghiệp & Đô Thị Việt Nam (VCC)	311.100.000	-	311.100.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Minh Châu	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
+ Công Ty DUONG NGEAP	4.255.965.360	-	4.255.965.360	-
+ Đối tượng khác	942.500.000	-	942.500.000	-
	<b>13.815.315.360</b>	<b>-</b>	<b>13.815.315.360</b>	<b>-</b>

## 10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.731.608.415	(210.676.011)	1.646.405.894	(210.676.011)
Công cụ, dụng cụ	39.944.775	-	48.483.525	-
Thành phẩm	-	-	8.297.092	-
Hàng hoá	146.832.736.376	-	141.070.620.056	-
	<b>148.604.289.566</b>	<b>(210.676.011)</b>	<b>142.773.806.567</b>	<b>(210.676.011)</b>

## 11 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dự án Khu quy hoạch Gò Chai	94.728.468.127	94.631.146.233
- Dự án Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương (*)	198.636.821.187	280.925.967.298
- Dự án Khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây	289.645.422.379	289.454.883.790
- Dự án Khu Nhà ở thôn Vạn Hạnh, huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT	8.132.767.888	8.132.767.888
- Mua đất Vũng Tàu - Công ty Bắc Sơn	12.297.722.039	12.297.722.039
- Dự án nhà ở công nhân Công ty May - Block 2	-	1.698.259.039
- Dự án Khu phức hợp Dịch vụ và Công nghiệp Bình Dương Riverside	2.898.625.454	2.898.625.454
- Mua đất Vĩnh Phú	8.460.000.000	8.460.000.000
- Mua đất tại số 18 Trần Phú, Vũng Tàu	1.000.000.000	-
- Cụm Công nghiệp An Điền	2.419.596.193	835.145.739
- Nhà máy Wash	3.799.748.480	975.291.918
- Công trình khác	903.140.977	1.316.169.243
	<b>622.922.312.724</b>	<b>701.625.978.641</b>

(\*) Thông tin chi tiết Thuyết minh số 34.

## 12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	280.647.783	37.783.522
- Chi phí sửa chữa	70.429.532	
- Chi phí bảo hiểm tài sản	8.038.136	
	<b>359.115.451</b>	<b>37.783.522</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	627.299.364	1.091.296.539
- Chi phí quảng cáo	1.818.181.815	-
- Chi phí thẻ hội viên sân Golf Phú Mỹ	2.049.128.205	2.102.008.929
- Các chi phí khác	36.211.463	40.846.456
	<b>4.530.820.847</b>	<b>3.234.151.924</b>



**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	34.514.636.717	13.293.485.627	15.559.977.694	261.503.416	351.435.533	63.981.038.987
- Mua trong năm	-	150.000.000	1.818.181.818	-	-	1.968.181.818
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.056.217.504	-	-	-	1.056.217.504
- Bàn giao cho Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Dự án Bình Dương (*)	(27.003.625.197)	(489.762.500)	-	-	(351.435.533)	(27.844.823.230)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(113.147.456)	-	-	-	(113.147.456)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.511.011.520</b>	<b>13.896.793.175</b>	<b>17.378.159.512</b>	<b>261.503.416</b>	<b>-</b>	<b>39.047.467.623</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	23.066.166.569	12.378.121.624	11.853.342.300	221.375.387	351.435.533	47.870.441.413
- Khấu hao trong năm	1.305.096.931	350.519.914	1.100.413.504	10.245.456	-	2.766.275.805
- Bàn giao cho Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Dự án Bình Dương (*)	(17.101.400.563)	(489.762.500)	-	-	(351.435.533)	(17.942.598.596)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(113.147.456)	-	-	-	(113.147.456)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.269.862.937</b>	<b>12.125.731.582</b>	<b>12.953.755.804</b>	<b>231.620.843</b>	<b>-</b>	<b>32.580.971.166</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	11.448.470.148	915.364.003	3.706.635.394	40.128.029	-	16.110.597.574
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>241.148.583</b>	<b>1.771.061.593</b>	<b>4.424.403.708</b>	<b>29.882.573</b>	<b>-</b>	<b>6.466.496.457</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.944.570.064 VND

(\*) Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 22.

#### 14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	77.833.095.178	130.850.237	77.963.945.415
- Tăng khác	201.500.000	-	201.500.000
- Bàn giao cho Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Dự án Bình Dương (*)	(61.726.656.131)	-	(61.726.656.131)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.307.939.047</b>	<b>130.850.237</b>	<b>16.438.789.284</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	6.902.046.794	130.850.237	7.032.897.031
- Khấu hao trong năm	2.036.538.987	-	2.036.538.987
- Bàn giao cho Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Dự án Bình Dương (*)	(4.097.901.596)	-	(4.097.901.596)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.840.684.185</b>	<b>130.850.237</b>	<b>4.971.534.422</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	70.931.048.384	-	70.931.048.384
Tại ngày cuối năm	<b>11.467.254.862</b>	-	<b>11.467.254.862</b>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 130.850.237 VND

#### 15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

##### Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Nhà, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	169.867.616.133	26.923.736.164	196.791.352.297
- Mua trong năm	116.967.000	-	116.967.000
- Bàn giao cho Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Dự án Bình Dương (*)	(63.753.863.400)	(26.923.736.164)	(90.677.599.564)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>106.230.719.733</b>	-	<b>106.230.719.733</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.827.045.455	8.163.875.155	9.990.920.610
- Khấu hao trong năm	697.434.336	1.076.949.444	1.774.383.780
- Bàn giao cho Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư Dự án Bình Dương (*)	(2.088.485.789)	(9.240.824.599)	(11.329.310.388)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>435.994.002</b>	-	<b>435.994.002</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	168.040.570.678	18.759.861.009	186.800.431.687
Tại ngày cuối năm	<b>105.794.725.731</b>	-	<b>105.794.725.731</b>

(\*) Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 22.



**16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Bình Dương <sup>(1)</sup>	767.423.962.983	767.423.962.983	1.613.313.338.814	1.785.737.301.797	595.000.000.000	595.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	671.000.000.000	671.000.000.000	998.000.000.000	1.249.000.000.000	420.000.000.000	420.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Bình Dương <sup>(1)</sup>	16.423.962.983	16.423.962.983	15.313.338.814	31.737.301.797	-	-
- Văn phòng Tỉnh uỷ Bình Dương <sup>(2)</sup>	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000	75.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi VIFACO	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	-
- Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Dương	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade <sup>(3)</sup>	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Bình Dương	163.981.034.491	163.981.034.491	283.851.345.014	252.314.672.491	195.517.707.014	195.517.707.014
- Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Dương	101.350.000.000	101.350.000.000	106.600.000.000	207.950.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	32.631.034.491	32.631.034.491	150.000.000.000	32.631.034.491	150.000.000.000	150.000.000.000
	30.000.000.000	30.000.000.000	27.251.345.014	11.733.638.000	45.517.707.014	45.517.707.014
	<b>931.404.997.474</b>	<b>931.404.997.474</b>	<b>1.897.164.683.828</b>	<b>2.038.051.974.288</b>	<b>790.517.707.014</b>	<b>790.517.707.014</b>

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương**  
Khu phố Đồng Tư, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

<b>b) Vay dài hạn</b>									
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Bình Dương	441.350.000.000	441.350.000.000	106.600.000.000	547.950.000.000	-	-	-	-	-
- Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Dương <sup>(4)</sup>	152.631.034.491	152.631.034.491	300.000.000.000	182.631.034.491	270.000.000.000	270.000.000.000	270.000.000.000	270.000.000.000	270.000.000.000
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương <sup>(5)</sup>	57.251.345.014	57.251.345.014	-	11.733.638.000	45.517.707.014	45.517.707.014	45.517.707.014	45.517.707.014	45.517.707.014
	<b>651.232.379.505</b>	<b>651.232.379.505</b>	<b>406.600.000.000</b>	<b>742.314.672.491</b>	<b>315.517.707.014</b>	<b>315.517.707.014</b>	<b>315.517.707.014</b>	<b>315.517.707.014</b>	<b>315.517.707.014</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(163.981.034.491)	(163.981.034.491)	(283.851.345.014)	(252.314.672.491)	(195.517.707.014)	(195.517.707.014)	(195.517.707.014)	(195.517.707.014)	(195.517.707.014)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>487.251.345.014</b>	<b>487.251.345.014</b>			<b>120.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>

**c) Các khoản vay đối với các bên liên quan**

Mối quan hệ	31/12/2017		01/01/2017	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Văn Phòng Tỉnh Ủy Bình Dương	75.000.000.000	-	75.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi VIFACO	-	-	5.000.000.000	889.620.747
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	45.517.707.014	-	57.251.345.014	895.468.909
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	100.000.000.000	427.397.260	-	-
	<b>220.517.707.014</b>	<b>427.397.260</b>	<b>137.251.345.014</b>	<b>1.785.089.656</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Số dư tại ngày 31/12/2017 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:
- 1.1 Hợp đồng tín dụng số 05/2017/4486227/HDTD ngày 23/03/2017 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 4 theo Hợp đồng số MS-20170109 ngày 09/01/2017;
  - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
  - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
  - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 30.000.000.000 đồng.
- 1.2 Hợp đồng tín dụng số 06/2017/4486227/HDTD ngày 27/03/2017 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 5 theo Hợp đồng số MS-20170109 ngày 09/01/2017;
  - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
  - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
  - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 20.000.000.000 đồng.
- 1.3 Hợp đồng tín dụng số 07/2017/4486227/HDTD ngày 30/03/2017 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 6 theo Hợp đồng số MS-20170109 ngày 09/01/2017;
  - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
  - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
  - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 20.000.000.000 đồng.
- 1.4 Hợp đồng tín dụng số 08/2017/4486227/HDTD ngày 21/04/2017 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 1 theo Hợp đồng số MS-20170301 ngày 01/03/2017;
  - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
  - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
  - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 20.000.000.000 đồng.
- 1.5 Hợp đồng tín dụng số 09/2017/4486227/HDTD ngày 22/05/2017 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 2 theo Hợp đồng số MS-20170301 ngày 01/03/2017;
  - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
  - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
  - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 20.000.000.000 đồng.



- 1.6 Hợp đồng tín dụng số 10/2017/4486227/HDTD ngày 13/06/2017 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 3 theo Hợp đồng số MS-20170301 ngày 01/03/2017;
  - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
  - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
  - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 20.000.000.000 đồng.
- 1.7 Hợp đồng tín dụng số 11/2017/4486227/HDTD ngày 27/06/2017 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 4 theo Hợp đồng số MS-20170301 ngày 01/03/2017;
  - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
  - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
  - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 10.000.000.000 đồng.
- 1.8 Hợp đồng tín dụng số 12/2017/4486227/HDTD ngày 27/06/2017 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 5 theo Hợp đồng số MS-20170301 ngày 01/03/2017;
  - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
  - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
  - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 20.000.000.000 đồng.
- 1.9 Hợp đồng tín dụng số 13/2017/4486227/HDTD ngày 29/09/2017 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên đợt 10 theo Hợp đồng số MS-20170301 ngày 01/03/2017;
  - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
  - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
  - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 10.000.000.000 đồng.
- 1.10 Hợp đồng tín dụng số 14/2017/4486227/HDTD ngày 10/10/2017 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên theo Hợp đồng số MS-20170301 ngày 01/03/2017;
  - Thời hạn cho vay: 11 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
  - Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
  - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 20.000.000.000 đồng.



1.11 Hợp đồng tín dụng số 15/2017/4486227/HDTD ngày 08/11/2017 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 58.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên theo Hợp đồng số MS-20170301 ngày 01/03/2017;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 58.000.000.000 đồng.

1.12 Hợp đồng tín dụng số 16/2017/4486227/HDTD ngày 22/11/2017 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 22.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên theo Hợp đồng số MS-20170301 ngày 01/03/2017;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 22.000.000.000 đồng.

1.13 Hợp đồng tín dụng số 20/2017/4486227/HDTD ngày 07/12/2017 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 75.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên theo Hợp đồng số MS-20171205 ngày 05/12/2017;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 75.000.000.000 đồng.

1.14 Hợp đồng tín dụng số 22/2017/4486227/HDTD ngày 07/12/2017 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 105.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua thẻ hội viên theo Hợp đồng số MS-20171205 ngày 05/12/2017;
- Thời hạn cho vay: 11 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐTC ngày 20/01/2014, Văn bản sửa đổi bổ sung HĐTC ngày 18/11/2016 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 870.000.000.000 VND, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 75.000.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng vay vốn số 02-HĐ/VV ngày 06/04/2011, Hợp đồng vay vốn số 03-HĐ/VV ngày 24/08/2011 và Hợp đồng vay vốn số 10-HĐ/VV ngày 03/10/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 75.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 75.000.000.000 đồng.

(3) Hợp đồng vay vốn ngày 06/12/2017 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ lần nhận nợ đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: 6%/năm;
- Các hình thức bảo đảm vay: Tín chấp;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017: 100.000.000.000 đồng.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(4) Hợp đồng vay vốn số 08/2016/HĐTD-TDH với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 300.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng vốn góp Công ty TNHH Ascendas - Protrade;
- Thời hạn cho vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản bao gồm:
  - + Quyền sử dụng đất khu công nghiệp Ascendas Protrade của Công ty TNHH Ascendas - Protrade với tổng giá trị là 750.000.000.000 đồng;
  - + Nguồn thu từ cho thuê đất khu công nghiệp của Công ty TNHH Ascendas - Protrade với tổng giá trị là 600.000.000.000 đồng;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 270.000.000.000 đồng. Số nợ gốc đến hạn trả trong năm tới là: 150.000.000.000 đồng.

(5) Hợp đồng vay vốn số 01 ngày 03/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 87.251.345.014 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay: Căn cứ vào lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 năm của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 45.517.707.014 đồng. Số nợ gốc đến hạn trả trong năm tới là: 45.517.707.014 đồng.



**17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	-	-	124.163.944.983	124.163.944.983
- CN Công Ty TNHH MTV DVLH Saigontourist tại Bình Dương	671.100.000	671.100.000	-	-
- Công ty CP Phát triển Phú Mỹ	262.454.858	262.454.858	630.045.031	630.045.031
- Công Ty TNHH Tư vấn và Hỗ trợ Doanh nghiệp Royal Việt Nam	340.648.000	340.648.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	901.479.219	901.479.219	1.610.267.787	1.610.267.787
	<b>2.175.682.077</b>	<b>2.175.682.077</b>	<b>126.404.257.801</b>	<b>126.404.257.801</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37).	<b>555.239.064</b>	<b>555.239.064</b>	<b>125.360.479.222</b>	<b>125.360.479.222</b>

**18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty TNHH Phát Triển <sup>(1)</sup>	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty Cổ phần An Bình <sup>(2)</sup>	115.000.000.000	115.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản U&I <sup>(3)</sup>	53.473.519.613	33.473.519.613
- Các khách hàng khác	972.000	13.919.900
	<b>198.474.491.613</b>	<b>178.487.439.513</b>

<sup>(1)</sup> Số tiền Công ty TNHH Phát Triển ứng trước để nhận chuyển giao Quyền sử dụng đất tại Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, tổng diện tích khu đất là 83.852,1 m<sup>2</sup> theo Hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 18/04/2016.

<sup>(2)</sup> Số tiền Công ty Cổ phần An Bình ứng trước để nhận chuyển giao Quyền sử dụng đất tại Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, tổng diện tích khu đất là 150.000 m<sup>2</sup> theo Hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 15/08/2016.

<sup>(3)</sup> Số tiền Công ty Cổ phần Bất động sản U&I ứng trước để nhận chuyển giao diện tích đất đã được Tổng Công ty thực hiện đền bù tại Khu quy hoạch Gò Chai, Phường Bình Hòa, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương với diện tích là 236.403,18 m<sup>2</sup> theo Hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 14/10/2016.

**19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	17.857.918.160	26.408.410	17.884.326.570	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	35.049.281.818	11.231.398.065	63.054.958.889	16.774.279.006	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	344.541.016	3.795.733.293	3.143.280.400	-	996.993.909
- Thuế tài nguyên	-	1.934.080	47.545.600	47.626.560	-	1.853.120
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	67.306.354	384.844.826	719.878.329	267.727.149	-
- Các loại thuế khác	-	102.223.577	746.401.727	753.793.195	-	94.832.109
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	18.538.545.480	-	18.538.545.480	-	-
	-	<b>71.961.750.485</b>	<b>16.232.331.921</b>	<b>104.142.409.423</b>	<b>17.042.006.155</b>	<b>1.093.679.138</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.





**20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	3.028.536.529	3.014.407.936
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán	384.384.152.327	384.384.152.327
- Chi phí phải trả khác	330.000.000	-
	<b>387.742.688.856</b>	<b>387.398.560.263</b>

**21 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	2.049.707.462	1.821.707.462
- Phần lợi nhuận phải nộp về chủ sở hữu	678.622.646.861	534.463.052.398
- Phải trả tiền lãi vay	427.397.260	1.785.089.656
+ Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco	-	889.620.747
+ Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	427.397.260	-
+ Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương	-	895.468.909
- Phải nộp 10% Ngân sách Đảng	12.240.461.000	9.300.220.719
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.000.000	41.573.974
	<b>693.375.212.583</b>	<b>547.411.644.209</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Khoản thu tiền đất tái định cư của các hộ dân thuộc khu An Tây	56.666.666.667	56.666.666.667
- Phải trả Công ty KP APPARELL MANUFACTURING Co.LTD về nhận nợ thay Công ty TNHH Một thành viên May Bình Dương tiền mua máy móc thiết bị và thu hộ tiền cho thuê nhà xưởng	75.415.394.251	75.564.600.351
	<b>132.082.060.918</b>	<b>132.231.267.018</b>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.350.000.000.000	285.964.391.754	221.445.954.018	1.857.410.345.772
Lãi trong năm trước	-	-	226.016.590.235	226.016.590.235
Trích lập các quỹ	-	66.433.786.206	(66.433.786.206)	-
Trích nộp ngân sách Đảng từ Lợi nhuận năm 2015	-	-	(20.610.091.815)	(20.610.091.815)
Lợi nhuận nộp về chủ sở hữu	-	-	(127.073.947.737)	(127.073.947.737)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(7.328.128.260)	(7.328.128.260)
Nhận bán giao tài sản từ Công ty Thắng Lợi	-	97.052.315	-	97.052.315
Bán giao tài sản cho Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	-	(3.025.557.468)	-	(3.025.557.468)
Bán giao các khoản đầu tư cho Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	-	(156.023.814.526)	-	(156.023.814.526)
Điều chỉnh giảm lãi cho vay Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	-	-	(26.000.679.833)	(26.000.679.833)
Lợi nhuận chuyển nhượng quyền mua cổ phần Công ty CP Hưng Vượng	-	-	27.148.260.000	27.148.260.000
Số dư cuối năm trước	1.350.000.000.000	193.445.858.281	227.164.170.402	1.770.610.028.683
Lãi trong năm nay	-	-	311.786.874.471	311.786.874.471
Trích nộp ngân sách Đảng từ Lợi nhuận năm 2016	-	-	(21.694.258.869)	(21.694.258.869)
Lợi nhuận nộp về chủ sở hữu	-	-	(197.549.502.648)	(197.549.502.648)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(7.920.408.885)	(7.920.408.885)
Bán giao tài sản cho Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương (*)	-	(148.675.186.446)	-	(148.675.186.446)
Số dư cuối năm nay	1.350.000.000.000	44.770.671.835	311.786.874.471	1.706.557.546.306

(\*) Căn cứ Quyết định số 235-QĐ/TU ngày 25/08/2016 của Tỉnh ủy Bình Dương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định đồng ý chuyển giao Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương trực thuộc Tổng Công ty về trực thuộc Tỉnh ủy từ ngày 01/10/2016. Trong năm 2017, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện bán giao quyền sử dụng các khu đất và tài sản gắn liền với đất sang Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương với tổng giá trị là 148.675.186.446 đồng.



**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	%	VND	%	VND
- Vốn góp Nhà nước	100	1.350.000.000.000	100	1.350.000.000.000
	<b>100</b>	<b>1.350.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>1.350.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.350.000.000.000	1.350.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	1.350.000.000.000	1.350.000.000.000

**d) Các quỹ của công ty**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	44.770.671.835	193.445.858.281
	<b>44.770.671.835</b>	<b>193.445.858.281</b>

**23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
- Đô la Mỹ (USD)	24.754,41	24.877,20

**24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	23.243.557.729	30.414.410.358
Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.660.212.577	257.136.684.653
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.733.995.598	280.510.805.364
	<b>29.637.765.904</b>	<b>568.061.900.375</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	<b>6.394.208.175</b>	<b>532.051.712.036</b>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	20.153.710.272	26.929.387.589
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.114.861.956	263.362.324.477
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	85.922.798.307
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	85.067.165
	<b>21.268.572.228</b>	<b>376.299.577.538</b>

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.319.481.945	20.988.341.418
Lãi bán các khoản đầu tư (*)	101.105.500.000	202.402.243.370
Cổ tức, lợi nhuận được chia	315.127.179.919	291.808.637.419
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	212.426.148	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	5.033.243.537
	<b>424.764.588.012</b>	<b>520.232.465.744</b>

(\*) Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 01.

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	112.471.753.480	102.662.385.358
Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng vốn đầu tư	34.984.845.238	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	434.898.589	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	(65.806.206.005)	311.602.420.299
Chi phí tư vấn chuyển nhượng vốn	8.952.629.500	-
Chi phí tài chính khác	2.476	678.927.088
	<b>91.037.923.278</b>	<b>414.943.732.745</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	607.721.203	447.812.686
Chi phí nhân công	26.494.122.607	24.093.273.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.764.834.499	4.729.619.737
Hoàn nhập dự phòng	-	(31.727.414.959)
Thuế, phí, lệ phí	51.056.780	535.442.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.033.273.413	23.001.883.059
Chi phí khác bằng tiền	4.255.265.331	8.459.489.075
	<b>74.206.273.833</b>	<b>29.540.105.716</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	1.090.909	-
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản góp vốn (*)	56.156.990.325	-
Thu nhập khác	754.109	150.017.377
	<b>56.158.835.343</b>	<b>150.017.377</b>

(\*) Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34.



**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí đầu tư Dự án khu chăn nuôi chất lượng cao	-	4.162.806.513
Các khoản bị phạt	159.621.645	153.195.344
Chi phí khác	1.406.742	6.535.151
	<b>161.028.387</b>	<b>4.322.537.008</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	266.861.282.211	80.417.292.925
Các khoản điều chỉnh tăng	1.089.126.708	13.218.283.323
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	1.089.126.708	1.717.248.004
- Dự phòng phải thu khó đòi năm 2015	-	11.501.035.319
Các khoản điều chỉnh giảm	(315.127.179.919)	(291.808.637.419)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(315.127.179.919)	(291.808.637.419)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(47.176.771.000)	(198.173.061.171)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(150.542.510)	(150.542.510)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(31.648.460.824)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>(31.799.003.334)</b>	<b>(150.542.510)</b>
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	56.156.990.325	181.999.121.638
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp	56.156.990.325	181.999.121.638
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>11.231.398.065</b>	<b>36.399.824.328</b>
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	-	(1.200.000.000)
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	35.199.824.328	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	(31.406.498.065)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản</b>	<b>15.024.724.328</b>	<b>35.199.824.328</b>
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.231.398.065	36.399.824.328
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(16.774.279.006)</b>	<b>35.049.281.818</b>

## 32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị ghi sổ kế toán			
		31/12/2017		01/01/2017	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và các khoản tương đương ti	294.759.555.451	-		137.078.404.387	-
Phải thu khách hàng, phải thu khá	717.080.305.218	(13.815.315.360)		784.670.752.396	(13.815.315.360)
Các khoản cho vay	126.368.363.779	-		1.029.115.655.836	-
Đầu tư dài hạn	505.000.000	-		505.000.000	-
	<b>1.138.713.224.448</b>	<b>(13.815.315.360)</b>		<b>1.951.369.812.619</b>	<b>(13.815.315.360)</b>
		Giá trị ghi sổ kế toán			
		31/12/2017		01/01/2017	
		VND		VND	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Vay và nợ				910.517.707.014	1.418.656.342.488
Phải trả người bán, phải trả khác				827.632.955.578	806.047.169.028
Chi phí phải trả				387.742.688.856	387.398.560.263
				<b>2.125.893.351.448</b>	<b>2.612.102.071.779</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.



**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương ti	294.759.555.451	-	-	294.759.555.451
Phải thu khách hàng, phải thu khá	390.269.481.910	312.995.507.948	-	703.264.989.858
Các khoản cho vay	116.472.314.127	9.896.049.652	-	126.368.363.779
Đầu tư dài hạn	505.000.000	-	-	505.000.000
	<b>802.006.351.488</b>	<b>322.891.557.600</b>	<b>-</b>	<b>1.124.897.909.088</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương ti	137.078.404.387	-	-	137.078.404.387
Phải thu khách hàng, phải thu khá	297.917.661.798	472.937.775.238	-	770.855.437.036
Các khoản cho vay	758.146.218.639	270.969.437.197	-	1.029.115.655.836
Đầu tư dài hạn	505.000.000	-	-	505.000.000
	<b>1.193.647.284.824</b>	<b>743.907.212.435</b>	<b>-</b>	<b>1.937.554.497.259</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	790.517.707.014	120.000.000.000	-	910.517.707.014
Phải trả người bán, phải trả khác	695.550.894.660	132.082.060.918	-	827.632.955.578
Chi phí phải trả	387.742.688.856	-	-	387.742.688.856
	<b>1.873.811.290.530</b>	<b>252.082.060.918</b>	<b>-</b>	<b>2.125.893.351.448</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	931.404.997.474	487.251.345.014	-	1.418.656.342.488
Phải trả người bán, phải trả khác	673.815.902.010	132.231.267.018	-	806.047.169.028
Chi phí phải trả	387.398.560.263	-	-	387.398.560.263
	<b>1.992.619.459.747</b>	<b>619.482.612.032</b>	<b>-</b>	<b>2.612.102.071.779</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường; 2.019.913.338.814 2.968.613.950.138

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường; 2.528.051.974.288 2.678.045.396.101

**34 . THÔNG TIN KHÁC**

*Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành*

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành đã quyết nghị thông qua việc thay đổi hình thức góp vốn của cổ đông - Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV từ việc góp 144 tỷ bằng tiền sang góp vốn bằng quyền sử dụng đất và một phần bằng hình thức cản trừ công nợ. Số tiền Tổng Công ty đã góp 144 tỷ VND sẽ được Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành hoàn lại cho Tổng Công ty bằng tiền. Thông tin liên quan đến việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất như sau:

- Khu đất góp vốn là các quyền sử dụng đất tại Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 1.450.101,8 m<sup>2</sup> được các bên thống nhất định giá là 139,209 tỷ VND;
- Giá phí đầu tư của khu đất là 83,052 tỷ VND, giá trị chênh lệch do đánh giá lại tài sản góp vốn được Tổng Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm là 56,156 tỷ VND;
- Sau khi hoàn tất công tác góp vốn, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành là 30%.

**35 . CAM KẾT KHÁC**

Tạm ứng

Trong số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2017 bao gồm khoản tạm ứng của nhân viên Nguyễn Ngọc Loan tiền công tác phí, chi phí văn phòng và chi phí dự án số tiền 172.679.711.285 VND (số dư tại ngày 31/12/2016 là 144.585.879.138 VND), Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ đôn đốc CBCNV quyết toán tạm ứng theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

Trả trước cho người bán

Số dư trả trước người bán tại ngày 31/12/2017 bao gồm khoản trả trước tiền mua cây cảnh với tổng số tiền 17,553 tỷ VND (tại ngày 31/12/2016 là 16,265 tỷ VND) với mục đích mua cây kiểng trang trí và kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ yêu cầu nhà cung cấp quyết toán giá trị mua cây kiểng này theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

**36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 28/03/2018, Tổng Công ty đã thực hiện đấu giá chào bán cổ phần lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số lượng cổ phần bán được là 30.000.000 cổ phần với tổng giá trị là 524.209.200.000 đồng, thặng dư vốn cổ phần thu được là 224.209.200.000 đồng.

Ngày 26/04/2018, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 212/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phần của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV. Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 29.800.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần với mã chứng khoán PRT.

Ngoài sự kiện được nêu ở trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.



### 37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Góp vốn</b>			
- Công ty CP Phát Triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	70.777.311.110	26.770.500.000
- Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Công ty liên kết	800.750.000.000	-
- Công Ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú	Công ty liên kết	58.500.000.000	-
- Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Công ty liên kết	-	40.000.000.000
- Công Ty TNHH MTV Quốc Tế Protrade	Công ty con	-	428.859.000.000
<b>Thoái vốn</b>			
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3/2	Công ty con	-	56.823.500.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	144.000.000.000	-
- Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Công ty liên kết	557.127.440.000	-
- Công Ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú	Công ty liên kết	60.000.000.000	-
- Công ty CP Dịch Vụ & Công Nghiệp Bình Dương	Công ty liên kết	-	2.640.000.000
<b>Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia</b>			
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Công ty con	13.613.494.464	8.892.896.823
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp và dịch vụ Thuốc lá Bình Dương	Công ty con	-	1.328.684.890
- Công ty CP Thương mại Tổng hợp Thuận An	Công ty con	1.664.520.000	1.664.520.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3/2	Công ty con	-	10.186.416.000
- Công ty TNHH FrieslandCampina VN	Công ty liên kết	273.702.582.955	210.000.000.000
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	5.562.216.000	2.781.108.000
- Công ty CP Cơ khí vận tải Dầu Tiếng	Đơn vị nhận đầu tư	50.500.000	-
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty con	20.533.866.500	8.800.228.500
<b>Thu nhập từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần</b>			
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	-	27.148.260.000
<b>Doanh thu</b>			
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	-	275.577.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú	Công ty liên kết	-	250.111.000.000
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty con	4.933.995.598	4.933.995.598
- Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Công ty liên kết	1.460.212.577	1.429.716.438
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>			
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	-	57.954.275
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	2.768.675.041	1.974.510.288
- Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	Công ty liên kết	-	732.134.056
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	-	118.251.376.176
<b>Mua tài sản cố định</b>			
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Công ty liên kết	1.818.181.818	-

**Chi phí đi vay**

- Công ty TNHH MTV Công nghiệp và dịch vụ Thuốc lá Bình Dương	Công ty con	-	1.012.277.778
- Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát	Công ty con	-	702.708.359
- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco	Công ty con	201.111.111	406.666.666
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty con	3.309.055.065	5.628.524.739
- Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương	Chủ sở hữu	5.322.916.667	-
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	-	-
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Công ty con	427.397.260	-
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	6.483.030.749	-
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Công ty con	-	614.249.999

**Lãi cho vay**

- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	5.283.932.166	3.798.887.632
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	Công ty con	145.315.068	-
- Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Công ty liên kết	-	51.103.005.333

**Lãi từ thanh lý khoản đầu tư**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3/2	Công ty con	-	35.207.822.000
---------------------------------------	-------------	---	----------------

**Nhập: điều chuyển Quỹ Đầu tư phát triển**

- Công ty TNHH MTV Công nghiệp và dịch vụ Thuốc lá Bình Dương	Công ty con	-	19.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát	Công ty con	-	10.966.794.601
- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco	Công ty con	-	2.604.416.599
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Công ty con	-	15.533.072.006

**Nhận bàn giao tài sản cố định**

- Công ty TNHH MTV Công nghiệp và dịch vụ Thuốc lá Bình Dương	Công ty con	-	225.807.644
---	-------------	---	-------------

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND

**Phải thu ngắn hạn khách hàng**

- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Công ty liên kết	4.945.139.918	4.945.139.918
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	-	26.163.823.840
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú	Công ty liên kết	-	133.158.864.505

**Phải thu về cho vay**

- Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Công ty liên kết	-	658.480.000.000
- Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	Công ty liên kết	69.245.610.531	76.058.750.000
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Công ty liên kết	20.541.052.576	20.581.817.619
- Công ty TNHH Quốc tế Protrade	Công ty liên kết	-	261.073.387.545
- Công ty Cổ phần Du lịch D&M	Công ty con	9.896.049.652	9.896.049.652
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	Công ty con	6.500.000.000	-
- Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Công ty liên kết	19.160.000.000	2.000.000.000



**Phải thu khác ngắn hạn**

- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	142.800.901.417	11.413.263.891
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty con	11.260.099.684	-
- Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Công ty liên kết	408.026.584	91.549.088.299
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	4.097.333.334	4.097.333.334
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	Công ty con	145.315.068	-
- Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Công ty con	7.856.073.228	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú	Công ty liên kết	-	3.000.000
- Công ty Cổ phần Du lịch D&M	Công ty con	153.881.000	134.000.000
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Công ty liên kết	257.000.000	180.000.000

**Phải thu dài hạn khác**

- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Công ty liên kết	312.198.945.948	312.818.524.893
------------------------------	------------------	-----------------	-----------------

**Phải trả người bán ngắn hạn**

- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	-	124.163.944.983
- Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	Công ty liên kết	174.659.612	79.215.940
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	Công ty con	118.124.594	487.273.268
- Công ty cổ phần phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	262.454.858	630.045.031

**Phải trả ngắn hạn khác**

- Văn phòng Tỉnh ủy	Chủ sở hữu	690.863.107.862	556.285.672.072
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Công ty con	427.397.360	-
- Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco	Công ty con	-	889.620.747
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	-	895.468.909

**Phải trả dài hạn khác**

- KP Apparell Manufacturing Co.,Ltd	Công ty con	75.415.394.251	75.564.600.351
-------------------------------------	-------------	----------------	----------------

**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



**Đỗ Thị Thanh Thúy**

Kế toán trưởng



**Đỗ Thị Thanh Thúy**

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Tổng Giám đốc



**Trần Nguyên Vũ**